TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày: 26-9-2023.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/TLST-DS, ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số: 59a/2023/QĐST- DS ngày 06 tháng 9 năm 2023; thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 20/2023/TB-TA ngày 20/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1985 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đức Ngh, xã Đức M, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Bà Hồ Nữ Thanh L, sinh năm 1977 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đức Ngh, xã Đức M, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hùng V – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đức Ngh, xã Đức M, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2023 và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Ngày 01/6/2022 bà có cho bà Hồ Nữ Thanh L vay số tiền 166.000.000 đồng. Khi vay bà L có viết giấy xác nhận nợ, thỏa thuận miệng lãi suất 1,8%, thời hạn vay đến tháng 12/2022. Ngày 07/12/2022 bà L trả cho bà số tiền gốc 20.000.000 đồng. Số tiền gốc còn lại và tiền lãi bà L chưa thanh toán. Ngoài ra ngày 11/6/2022 bà L có vay thêm 30.000.000 đồng, ngày 26/9/2022 vay 10.000.000 đồng, hai khoản tiền vay này bà L đã trả xong và gạch sổ. Ngày 04/5/2022 bà có gửi thông báo cho bà L yêu cầu trả nợ, nhưng hết thời hạn thông báo (7 ngày) bà L không trả nợ nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Nữ Thanh L phải trả cho bà số tiền còn nợ gốc: 146.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày khởi kiện 12/5/2023 đến ngày 21/8/2023 theo lãi suất 10%/năm với số tiền 3.998.940 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong.

Tại phiên toà, bà T trình bày đối với giấy viết về số tiền nợ là chữ viết của bà L viết và ký và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 146.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi suất. Đối với số tiền 166.000.000 đồng bà có cho bà L vay là số tiền riêng của bà, bà không nói với chồng và chồng bà cũng không biết gì đối với số tiền này nên bà không yêu cầu đưa chồng bà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Khi bà cho vay bà cũng chỉ cho bà Hồ Nữ Thanh L vay chứ không liên quan đến chồng của bà L nên bà T chỉ yêu cầu bà L trả cho bà số tiền 146.000.000 đồng tiền gốc.

Theo nội dung văn bản trình bày ý kiến đề ngày 20/6/2023 của bị đơn bà Hồ Nữ Thanh L thì: Đầu năm 2022 bà có vay của bà T một số tiền, và bà có chuyển trả cho bà T nhiều đợt: Ngày 11/10/2022 trả 25.000.000 đồng, ngày 25/10/2022 trả 20.000.000 đồng, 9/12/2022 hơn 10.000.000 đồng; số tiền còn lại bà xin khất. Hiện nay bà đang điều trị bệnh, theo phác đồ điều trị phải đến tháng 4/2024 mới xong, do đó bà xin khất nợ đến cuối năm 2024 bà sẽ trả đủ số tiền còn nợ cho bà T.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hùng V trong quá trình giải quyết vụ án thì: Ông là chồng của bà Hồ Nữ Thanh L. Việc bà L vay mượn tiền của bà T ông không biết, không liên quan nên không chịu trách nhiệm.

Quá trình thu thập chứng cứ, bà Trần Thị Thanh T cung cấp cho Tòa án 01 giấy xác nhận nợ ngày 01/6/2022 số tiền 166.000.000 đồng (đặc điểm phía dưới có ghi thêm ngày 11/6/2022 mượn 30.000.000 đồng, ngày 23/9/2022 mượn 10.000.000 đồng, đã xóa nợ R).

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung: Về lãi suất: Tại phiên toà, nguyên đơn rút yêu cầu về việc tính lãi suất, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Áp dụng quy định tại Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự (BLDS) 2015 đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Hồ Nữ Thanh L phải trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền gốc là 146.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Hồ Nữ Thanh L phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản nợ, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú và trú tại Thôn Đức Ngh, xã Đức M, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại phiên tòa, sau khi làm rõ nội dung tranh chấp bà Trần Thị Thanh T yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết, buộc bà L có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền gốc 146.000.000 đồng. Vì vậy, HĐXX xác định đây là " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tịa khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tống đạt hợp lệ đối với bị đơn bà Hồ Nữ Thanh L nhưng bà L vẫn vắng mặt. Ông Lê Hùng V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 01/6/2022 bà T và bà L có làm giấy có nội dung L mượn T 166.000.000 đồng, ngày 7/12/2022 trả gốc 20.000.000 đồng có chữ ký của bà Hồ Nữ Thanh L, trong giấy không thể hiện việc hai bên thỏa thuận về ngày bà L phải trả nợ cho bà T nhưng trước khi nộp đơn khởi kiện đến Tòa án bà T đã có làm thông báo cho bà L về việc yêu cầu thanh toán tiền vay với thời hạn 07 ngày, bà L đã nhận được thông báo của bà T nhưng bà L không trả nợ nên bà T khởi kiện bà L yêu cầu trả nợ, Toà án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý vụ án. Sau khi có thông báo của Toà án gửi cho bà về việc bà T khởi kiện nhưng bà không có ý kiến gì. Vì vậy, thời hiệu khởi kiện được thực hiện theo Điều 429 của BLDS.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét nội dung và hình thức thỏa thuận vay tài sản của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 463 BLDS nên phát sinh hiệu lực.

[2.2] Căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp và lời khai của các bên đương sự thể hiện:

Ngày 01/6/2022 bà Hồ Nữ Thanh L viết và ký giấy xác nhận mượn bà Trần Thị Thanh T số tiền 166.000.000 đồng, tuy nhiên, ngày 7/12/2022 bà L đã trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, trong giấy vay không thể hiện thời hạn bà L phải trả nợ cho bà T và không có thoả thuận lãi suất. Vì vậy, giấy vay giữa bà L với bà T là hợp đồng vay không kỳ hạn theo khoản 1 Điều 469 của BLDS.

Khoản 1 Điều 469 BLDS quy định:

"1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thoả thuận khác". Do giấy vay giữa bà T và bà L là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất nên bà T đã thực hiện việc thông báo trước cho bà L là đảm bảo về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện.

[2.3] Về nghĩa vụ thanh toán: Các bên đương sự không thống nhất được với nhau về nghĩa vụ thanh toán.

Tại văn bản trình bày ngày 20/6/2023 bà Hồ Nữ Thanh L xác định có vay bà T một số tiền nhưng không nhớ được cụ thể, đồng thời cho rằng đã trả cho bà T 3 lần với tổng số tiền hơn 55.000.000 đồng. Tuy nhiên bà L không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho sự phản đối của mình là có căn cứ. Đồng thời nguyên đơn cũng cung cấp được chứng cứ chứng minh cho bà L mượn tiền thêm 2 lần vào ngày 11/6/2022 số tiền 30.000.000 đồng, ngày 26/9/2022 số tiền 10.000.000 đồng và xác định bà L đã trả đủ. Chứng cứ này phù hợp với lời khai của bị đơn về nội dung có trả tiền cho bà L nhưng không nhớ được trả cho khoản vay nào.

Điều 91 BLTTDS quy định:

…

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Do bà L không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho phản đối của mình là có căn cứ, do đó, không có cơ sở để chấp nhận. HĐXX xác định các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp pháp, việc bà L mới chỉ thanh toán được 20.000.000 đồng tiền gốc, chưa thanh toán 146.000.000 đồng tiền gốc là đúng.

Như vậy, bà Hồ Nữ Thanh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Thanh T khi đến hạn là vi phạm hợp đồng và vi phạm Điều 466 BLDS. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà Hồ Nữ Thanh L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Thanh T 146.000.000 đồng tiền gốc là phù hợp.

[2.6] Về lãi suất: Tại phiên toà, nguyên đơn rút yêu cầu về việc tính lãi suất, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.7] Đối với ông Lê Hùng V, ông V xác định không tham gia thỏa thuận vay tiền, nguyên đơn không chứng minh được việc bị đơn vay tiền để phục vụ nhu cầu thiết yếu gia đình nên không có căn cứ xem xét nghĩa vụ với ông Lê Hùng V.

Tại phiên toà bà Trần Thị Thanh T trình bày: Số tiền 166.000.000 đồng bà có cho bà L vay là số tiền riêng của bà, bà không nói với chồng và chồng bà cũng không biết gì đối với số tiền này nên bà không yêu cầu đưa chồng bà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết bà T cũng không yêu cầu, nên Toà án không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với chồng bà T là phù hợp.

[2.8] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn bà Hồ Nữ Thanh L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là: 146.000.000 đồng x 5% = 7.300.000 đồng *(bảy triệu ba trăm nghìn đồng).*

[2.9] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 117; Điều 280; Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T.

2. Buộc bà Hồ Nữ Thanh L phải trả cho bà Trần Thị Thanh T 146.000.000 đồng tiền gốc.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T về việc tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của BLDS, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Nữ Thanh L phải nộp 7.300.000 đồng *(bảy triệu ba trăm nghìn đồng)*. Trả lại cho bà Trần Thị Thanh T 4.132.000 đồng *(Bốn triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00009274 ngày 12/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đăk Mil (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đăk Mil;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ